

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (Học kỳ II năm học 2020-2021)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/QĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Căn cứ Công văn số 15777/BTC-TCĐT ngày 04/11/2016 của Bộ Tài chính về thực hiện hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-TCĐT ngày 01/9/2020 của Tổng cục dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2020-2021;*

*Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 25/TTr-SGDĐT ngày 06/01/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; cụ thể như sau:

**1. Đối tượng hỗ trợ:** Học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

**2. Mức hỗ trợ:** 15kg gạo/01 tháng/học sinh.

**3. Thời gian hỗ trợ:** 05 tháng của học kỳ II năm học 2020-2021 (từ tháng 01/2021 đến tháng 05/2021).

**4. Tổng số học sinh được hỗ trợ:** 2.876 học sinh; trong đó:

- + 1.231 học sinh bán trú đang học trong trường phổ thông dân tộc bán trú;
- + 386 học sinh tiểu học, trung học cơ sở mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi đang học tại trường tiểu học, trường THCS đóng trên địa bàn thuộc khu vực III;
- + 685 học sinh tiểu học, trung học cơ sở mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi đang học tại trường tiểu học, trường THCS đóng trên địa bàn thuộc khu vực II;
- + 574 học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số (hoặc học sinh người Kinh) mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu tại các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đang học tại trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông tại trường phổ thông có nhiều cấp học); trong đó học sinh là người dân tộc thiểu số: 446 học sinh.

**5. Tổng số gạo được hỗ trợ:** 206,520 tấn (sau khi trừ số gạo còn lại của học kỳ I năm học 2020-2021 tại các đơn vị chuyển sang: 9,180 tấn gạo)

*(Chi tiết theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm )*

**6. Địa điểm giao nhận gạo hỗ trợ:** Tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố.

**7. Thời gian thực hiện:** Theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Là cơ quan đầu mối; chủ trì, phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc giao nhận gạo hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; thường xuyên theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện cho Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.

**2. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị được nhận gạo:** Căn cứ Quyết định này, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và cấp đúng đối tượng, cấp đủ số lượng gạo theo quy định hiện hành của Nhà nước; bố trí kinh phí bốc xếp gạo từ phương tiện vận chuyển tại trung tâm huyện, thị xã, thành phố (tiếp nhận từ Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình) và vận chuyển gạo đến các địa điểm để cấp phát cho các đối tượng được hỗ trợ.

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện việc nhận, cấp phát

gạo hỗ trợ; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí, tiêu cực, gây phiền hà cho các đơn vị, cá nhân được nhận gạo hỗ trợ.

**3. Sở Tài chính:** Có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**4. Đề nghị Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình:** Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh thực hiện việc giao nhận gạo hỗ trợ theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nghĩa Bình; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ TC, Bộ GD&ĐT (b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT VX;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9.

**Lâm Hải Giang**

## TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ GẠO THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP

Thời gian hỗ trợ: 5 tháng của học kỳ II năm học 2020-2021 (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/5/2021)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực (hoặc ĐBKK vùng bãi ngang)	Tổng số học sinh thụ hưởng	Học sinh bán trú đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo	
				Chia ra		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo dân tộc	
				Học sinh tiểu học	Học sinh THCS	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	10 Km trở lên	2 Km trở lên	Dân tộc thiểu số	Dân tộc Kinh
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>			<b>2.876</b>	<b>0</b>	<b>1.231</b>	<b>347</b>	<b>0</b>	<b>39</b>	<b>0</b>	<b>179</b>	<b>0</b>	<b>506</b>	<b>0</b>	<b>574</b>	<b>0</b>	<b>446</b>	<b>125</b>
<b>A</b>	<b>PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		<b>2.302</b>	<b>0</b>	<b>1.231</b>	<b>347</b>	<b>0</b>	<b>39</b>	<b>0</b>	<b>179</b>	<b>0</b>	<b>506</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Phòng GD và ĐT Tây Sơn</b>		<b>416</b>	<b>0</b>	<b>77</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>126</b>	<b>0</b>	<b>213</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Trường PTDTBT Tây Sơn		77		77												
2	Trường tiểu học Bình Tân	II	18							18							
3	Trường trung học cơ sở Bình Tân	II	53									53					
4	Trường trung học cơ sở Tây Giang	II	103									103					
5	Trường tiểu học Tây Phú	II	41							41							
6	Trường tiểu học Tây Xuân	II	40							40							
7	Trường THCS Bùi Thị Xuân	II	57									57					
8	Trường tiểu học số 1 Tây Giang	II	27							27							
<b>II</b>	<b>Phòng GD và ĐT Phù Mỹ</b>		<b>126</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>104</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực (hoặc ĐBKK vùng hải ngoại)	Tổng số học sinh thụ hưởng	Học sinh bán trú đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn hải ngoại ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn hải ngoại ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo	
				Chia ra		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo dân tộc	
				Học sinh tiểu học	Học sinh THCS	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	10 Km trở lên	2 Km trở lên	Dân tộc thiểu số	Dân tộc Kinh
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
3	Trường trung học cơ sở Vĩnh Hiệp	III	4				4										
<b>V</b>	<b>Phòng GD và ĐT Vân Canh</b>		<b>403</b>	<b>0</b>	<b>165</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>31</b>	<b>0</b>	<b>128</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Trường PTDTBT Canh Liên		117		117												
2	Trường THCS bán trú Canh Thuận		48		48												
3	Trường tiểu học Thị trấn Vân Canh	II	31						31								
4	Trường tiểu học Canh Liên	III	35		35												
5	Trường THCS thị trấn Vân Canh	II	128								128						
6	Trường tiểu học số 2 Canh Vinh	III	9		9												
7	Trường THCS Canh Vinh	III	35					35									
<b>B</b>	<b>TR. THPT THUỘC SỞ QUẢN LÝ</b>		<b>574</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>574</b>	<b>0</b>	<b>446</b>	<b>125</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Tây Sơn</b>		<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>0</b>
1	Trường THPT Quang Trung		15											15		15	
<b>II</b>	<b>Huyện Phù Cát</b>		<b>26</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>26</b>
1	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang		10											10			10
2	Trường THPT 3 Phù Cát		16											16			16
<b>III</b>	<b>Huyện Hoài Ân</b>		<b>80</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>80</b>	<b>0</b>	<b>41</b>	<b>36</b>
1	Trường THPT Trần Quang Diệu		77											77		41	36
2	Trường THPT Võ Giừ		3											3			

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực (hoặc ĐBKK vùng bãi ngang)	Tổng số học sinh thụ hưởng	Học sinh bán trú đang học tại trường phổ thông dân tộc bán trú		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực III)		Học sinh tiểu học (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn ĐBKK và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THCS (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn và học trường thuộc xã khu vực II)		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo		Học sinh THPT là người dân tộc thiểu số (bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HKTT tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển), nếu người Kinh phải thuộc hộ nghèo	
				Chia ra		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo khoảng cách nhà ở xa trường từ		Chia ra theo dân tộc	
				Học sinh tiểu học	Học sinh THCS	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	4 Km trở lên	1 Km trở lên	7 Km trở lên	1,5 Km trở lên	10 Km trở lên	2 Km trở lên	Dân tộc thiểu số	Dân tộc Kinh
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
<b>IV</b>	<b>Huyện An Lão</b>		<b>114</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>114</b>	<b>0</b>	<b>114</b>	<b>0</b>
1	Tr. PTDTNT THCS&THPT An Lão		114											114		114	
<b>V</b>	<b>Huyện Vĩnh Thạnh</b>		<b>252</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>252</b>	<b>0</b>	<b>208</b>	<b>44</b>
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh		44											44			44
2	Tr.PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh		208											208		208	
<b>VI</b>	<b>Huyện Vân Canh</b>		<b>87</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>87</b>	<b>0</b>	<b>68</b>	<b>19</b>
1	Trường THPT Vân Canh		2											2			2
2	Tr.PTDTNT THCS&THPT Vân Canh		85											85		68	17

Ghi chú: - Xã thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ

- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển theo Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ

## TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ GẠO CỦA HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP

Học kỳ II năm học 2020-2021 (5 tháng, từ ngày 01/01/2021 đến 31/5/2021)

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2020-2021	Định mức hỗ trợ giáo (tấn/học sinh/tháng)	Số tháng đề nghị hỗ trợ của học kỳ II năm học 2020-2021	Nhu cầu gạo đề nghị đề hỗ trợ của học kỳ II năm học 2020-2021 (1.000 kg)	Số lượng gạo thực tế còn thừa chưa cấp phát đến học sinh của học kỳ I năm học 2020-2021 (1.000 kg)	Nhu cầu gạo đề nghị được hỗ trợ của học kỳ II năm học 2020-2021 sau khi giảm trừ số gạo còn thừa học kỳ I năm học 2020-2021 (1.000 kg)
A	1	2	3	4	5	6	7	
<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>			<b>2.876</b>	<b>0</b>		<b>215,700</b>	<b>9,180</b>	<b>206,520</b>
<b>A</b>	<b>PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		<b>2.302</b>			<b>172,65</b>	<b>3,62</b>	<b>169,04</b>
<b>I</b>	<b>Phòng GD và ĐT Tây Sơn</b>		<b>416</b>			<b>31,200</b>	<b>0,660</b>	<b>30,540</b>
1	Trường PTDTBT Tây Sơn		77	0,015	5	5,775	0,420	5,355
2	Trường tiểu học Bình Tân		18	0,015	5	1,350		1,350
3	Trường trung học cơ sở Bình Tân		53	0,015	5	3,975		3,975
4	Trường trung học cơ sở Tây Giang		103	0,015	5	7,725	0,120	7,605
5	Trường tiểu học Tây Phú		41	0,015	5	3,075	0,060	3,015
6	Trường tiểu học Tây Xuân		40	0,015	5	3,000		3,000
7	Trường THCS Bùi Thị Xuân		57	0,015	5	4,275	0,060	4,215
8	Trường tiểu học số 1 Tây Giang		27	0,015	5	2,025		2,025
<b>II</b>	<b>Phòng GD và ĐT Phù Mỹ</b>		<b>126</b>			<b>9,450</b>	<b>0,000</b>	<b>9,450</b>
1	Trường tiểu học Mỹ An		7	0,015	5	0,525		0,525
2	Trường tiểu học số 1 Mỹ Thành		15	0,015	5	1,125		1,125
5	Trường trung học cơ sở Mỹ Thành		104	0,015	5	7,800		7,800
<b>II</b>	<b>Phòng GD và ĐT Hoài Ân</b>		<b>494</b>			<b>37,050</b>	<b>0,060</b>	<b>36,990</b>
1	Trường PTDTNT Hoài Ân		161	0,015	5	12,075	0,060	12,015
2	Trường tiểu học Ân Hảo Tây		64	0,015	5	4,800		4,800
4	Trường tiểu học Ân Hữu		43	0,015	5	3,225		3,225
5	Trường trung học cơ sở Ân Hữu		3	0,015	5	0,225		0,225
6	Trường tiểu học Ân Tường Đông		33	0,015	5	2,475		2,475
7	Trường tiểu học Ân Nghĩa		132	0,015	5	9,900		9,900
9	Trường trung học cơ sở Ân Nghĩa		58	0,015	5	4,350		4,350
<b>III</b>	<b>Phòng GD và ĐT An Lão</b>		<b>682</b>			<b>51,150</b>	<b>1,170</b>	<b>49,980</b>
1	Trường PTDTBT An Lão		499	0,015	5	37,425	1,140	36,285
2	Trường PTDTBT Đình Ruối		152	0,015	5	11,400	0,030	11,370
3	Trường tiểu học An Nghĩa		31	0,015	5	2,325		2,325
<b>IV</b>	<b>Phòng GD và ĐT Vĩnh Thạnh</b>		<b>181</b>			<b>13,575</b>	<b>0,000</b>	<b>13,575</b>
1	Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn		105	0,015	5	7,875		7,875
2	Tr. PTDTBT TH & THCS Vĩnh Kim		72	0,015	5	5,400		5,400
3	Trường trung học cơ sở Vĩnh Hiệp		4	0,015	5	0,300		0,300

Số thứ tự	Đơn vị	Trường thuộc khu vực	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2020-2021	Định mức hỗ trợ giáo (tân/học sinh/tháng)	Số tháng đề nghị hỗ trợ của học kỳ II năm học 2020-2021	Nhu cầu gạo đề nghị đề hỗ trợ của học kỳ II năm học 2020-2021 (1.000 kg)	Số lượng gạo thực tế còn thừa chưa cấp phát đến học sinh của học kỳ I năm học 2020-2021 (1.000 kg)	Nhu cầu gạo đề nghị được hỗ trợ của học kỳ II năm học 2020-2021 sau khi giảm trừ số gạo còn thừa học kỳ I năm học 2020-2021 (1.000 kg)
	A	1	2	3	4	5	6	7
<b>V</b>	<b>Phòng GD và ĐT Văn Canh</b>		<b>403</b>			<b>30,225</b>	<b>1,725</b>	<b>28,500</b>
1	Trường PTDTBT Canh Liên		117	0,015	5	8,775		8,775
2	Trường THCS bán trú Canh Thuận		48	0,015	5	3,600		3,600
3	Trường tiểu học Thị trấn Văn Canh	II	31	0,015	5	2,325		2,325
4	Trường tiểu học Canh Liên	III	35	0,015	5	2,625		2,625
5	Trường THCS thị trấn Văn Canh	II	128	0,015	5	9,600	1,725	7,875
6	Trường tiểu học số 2 Canh Vinh	III	9	0,015	5	0,675		0,675
7	Trường THCS Canh Vinh	III	35	0,015	5	2,625		2,625
<b>B</b>	<b>TRƯỜNG THPT THUỘC SỞ QUẢN LÝ</b>		<b>574</b>			<b>43,050</b>	<b>5,565</b>	<b>37,485</b>
<b>I</b>	<b>Huyện Tây Sơn</b>		<b>15</b>			<b>1,125</b>	<b>0,000</b>	<b>1,125</b>
1	Trường THPT Quang Trung		15	0,015	5	1,125		1,125
<b>II</b>	<b>Huyện Phù Cát</b>		<b>26</b>			<b>1,950</b>	<b>1,200</b>	<b>0,750</b>
1	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang		10	0,015	5	0,750	0,375	0,375
2	Trường THPT 3 Phù Cát		16	0,015	5	1,200	0,825	0,375
<b>III</b>	<b>Huyện Hoài Ân</b>		<b>80</b>			<b>6,000</b>	<b>2,700</b>	<b>3,300</b>
1	Trường THPT Trần Quang Diệu		77	0,015	5	5,775	2,475	3,300
2	Trường THPT Võ Giừ		3	0,015	5	0,225	0,225	0,000
<b>IV</b>	<b>Huyện An Lão</b>		<b>114</b>			<b>8,550</b>	<b>0,060</b>	<b>8,490</b>
1	Tr. PTDTNT THCS&THPT An Lão		114	0,015	5	8,550	0,060	8,490
<b>V</b>	<b>Huyện Vĩnh Thạnh</b>		<b>252</b>			<b>18,900</b>	<b>0,945</b>	<b>17,955</b>
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh		44	0,015	5	3,300	0,825	2,475
2	Tr.PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh		208	0,015	5	15,600	0,120	15,480
<b>VI</b>	<b>Huyện Văn Canh</b>		<b>87</b>			<b>6,525</b>	<b>0,660</b>	<b>5,865</b>
1	Trường THPT Văn Canh		2	0,015	5	0,150		0,150
2	Tr.PTDTNT THCS&THPT Văn Canh		85	0,015	5	6,375	0,660	5,715